



míng huà

名画

noun · famous painting

Example Sentences

Zhè fú míng huà guà zài bó wù guǎn de zhōng yāng
这幅名画挂在博物馆的中央。

This famous painting hangs in the center of
the museum.

Tā huā le hěn duō qián shōu cáng shì jiè míng huà
他花了很多钱收藏世界名画。

He spent a lot of money collecting
world-famous paintings.

Trace each character, then write the word on your own.

名	名	名	名	名	名	名	名	名		
画	画	画	画	画	画	画	画	画	画	画